

Số: 21 /NQ-HĐND

Sơn Hà, ngày 28 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào  
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030,  
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

(Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ  
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của  
Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển  
kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính  
phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc  
gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm  
2021 đến năm 2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021  
của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn  
ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện  
Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và  
miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định  
số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt  
danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc  
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách  
Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình  
MTQG; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng*

Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 22/7/2022 của UBND huyện về việc ban hành Nghị quyết về kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện là: **236.675 triệu đồng**, bao gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương là 205.803 triệu đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh là 20.582 triệu đồng.
3. Vốn ngân sách huyện đối ứng là 10.290 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 1,2 đính kèm)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà khoá XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các phòng, ban, Hội, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TH.



**CHỦ TỊCH**

**Đinh Xuân Dũng**


## PHỤ LỤC 1

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà)*

ĐVT: triệu đồng

TT	Huyện	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025			
		Tổng vốn	Trong đó		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>236.674</b>	<b>205.803</b>	<b>20.581</b>	<b>10.290</b>
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	53.329	46.372	4.638	2.318
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	31.801	27.654	2.765	1.382
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	-	-	-	-
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	-	-	-	-
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	-	-	-	-
*	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	-	-	-	-
*	Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	-	-	-	-
*	Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	-	-	-	-
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	131.053	113.959	11.396	5.698
1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	131.053	113.959	11.396	5.698
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	13.198	11.476	1.148	574
1	Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ	13.198	11.476	1.148	574
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực	-	-	-	-
*	Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	-	-	-	-
*	Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học	-	-	-	-
3	Tiểu dự án 3: phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm	-	-	-	-
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	-	-	-	-
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	3.083	2.681	268	134

TT		Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025			
		Tổng vốn	Trong đó		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
VII	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>	4.210	3.661	366	183
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	-	-	-	-
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi <i>(Riêng năm 2022, UBND huyện lập kế hoạch chi tiết, trình Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến trước khi tổ chức thực hiện)</i>	4.210	3.661	366	183
3	Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	-	-	-	-



## PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN THUỘC  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN I: 2021-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 23 /NQ-HĐND ngày 28 /7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà)*

*DVT: triệu đồng*

TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>236.674</b>	<b>205.803</b>	<b>30.871</b>	<b>236.674</b>	<b>205.803</b>	<b>20.581</b>	<b>10.290</b>
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>				<b>53.328</b>	<b>46.372</b>	<b>6.957</b>	<b>53.328</b>	<b>46.372</b>	<b>4.638</b>	<b>2.318</b>
	<i>Hỗ trợ đất ở</i>	<i>khoảng 147 hộ</i>			<i>6.762</i>	<i>5.880</i>	<i>882</i>	<i>6.762</i>	<i>5.880</i>	<i>588</i>	<i>294</i>
	<i>Hỗ trợ nhà ở</i>	<i>khoảng 412 hộ</i>			<i>18.952</i>	<i>16.480</i>	<i>2.472</i>	<i>18.952</i>	<i>16.480</i>	<i>1.648</i>	<i>824</i>
	<i>Hỗ trợ đất sản xuất</i>	<i>khoảng 267 hộ</i>			<i>6.910</i>	<i>6.008</i>	<i>902</i>	<i>6.910</i>	<i>6.008</i>	<i>602</i>	<i>300</i>
	<i>Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung</i>				<i>20.704</i>	<i>18.004</i>	<i>2.700</i>	<i>20.704</i>	<i>18.004</i>	<i>1.800</i>	<i>900</i>
1	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xóm thác Thôn Ka La	khoảng 100m3/ngày đêm	Thôn Ka La, Xã Sơn Linh	2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
2	Nâng cấp HTCNSH Thôn Tà Bi	khoảng 40m3/ngày đêm	Thôn Tà Bi, Xã Sơn Thủy	2022	345	300	45	345	300	30	15
3	Xây mới hệ thống NSH Mang Ty	khoảng 50m3/ngày đêm	Thôn Nước Lác, Xã Sơn Kỳ	2023	460	400	60	460	400	40	20
4	Nâng cấp HT cấp nước sinh hoạt Làng Bung, Xã Sơn Ba	khoảng 100 m3/ngày đêm	Thôn Làng Bung, Xã Sơn Ba	2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
5	Nâng cấp nước sinh hoạt tập trung tại xóm bầu Dèo, Thôn Làng Lùng	khoảng 100m3/ngày đêm	Thôn Làng Lùng, Xã Sơn Giang	2022	4.950	4.304	646	4.950	4.304	430	215
6	Xây dựng mới hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn Mang Nà (Mang K Rót)	khoảng 85m3/ngày đêm	Thôn Mang Nà, Xã Sơn Bao	2022	1.725	1.500	225	1.725	1.500	150	75
7	Giếng khoan cho 06 thôn trên địa bàn xã	khoảng 336 hộ	Xã Sơn Cao	2022	3.450	3.000	450	3.450	3.000	300	150
8	Giếng khoan cho 06 thôn	khoảng 300 hộ	Xã Sơn Nham	2022	2.300	2.000	300	2.300	2.000	200	100
9	Nâng cấp HTCNSH Thôn Làng Vố, xã Sơn Thượng	khoảng 70m3/ngày đêm	Thôn Làng Vố, Xã Sơn Thượng	2023	690	600	90	690	600	60	30

TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Nghân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
10	Nối dài hệ thống nước sinh hoạt Di Lăng vào thôn Gia Ry	khoảng 75 hộ	Thôn Gia Ry, Xã Sơn Trung	2023	690	600	90	690	600	60	30
11	Xây mới hệ thống NSH tập trung Làng Ru, thôn Tà Mát	khoảng 94 hộ	Thôn Tà Mát, Xã Sơn Hải	2024	3.450	3.000	450	3.450	3.000	300	150
12	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt Suối Bò Nú	khoảng 60 hộ	Thôn Bò Nung, Xã Sơn Linh	2022	345	300	45	345	300	30	15
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>				<b>31.801</b>	<b>27.654</b>	<b>4.147</b>	<b>31.801</b>	<b>27.654</b>	<b>2.765</b>	<b>1.382</b>
1	Khu tái định cư Xà Riêng	khoảng 2,0 ha	xã Sơn Nham	2022-2025	15.901	13.827	2.074	15.901	13.827	1.383	691
2	Dự án xây dựng khu tái định cư Gò Rem, thôn Làng Rê, xã Sơn Giang	khoảng 1,7 ha	xã Sơn Giang	2022-2025	15.900	13.827	2.073	15.900	13.827	1.382	691
<b>IV</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</b>				<b>131.053</b>	<b>113.959</b>	<b>17.094</b>	<b>131.053</b>	<b>113.959</b>	<b>11.396</b>	<b>5.698</b>
1	Đường BTXM ĐH 72 - nhà ông Đinh Văn Ka (thôn Chàm Rao)	khoảng 0,4km	Thôn Chàm Rao, Xã Sơn Nham	2022-2023	575	500	75	575	500	50	25
2	Đường BTXM ĐH 72 - nhà bà Đinh Thị Ty (thôn Bầu Sơn)	khoảng 0,2km	Thôn Bầu Sơn, Xã Sơn Nham	2022	345	300	45	345	300	30	15
3	Đường BTXM ĐH 72 đi Nghĩa địa Gò Lang (thôn Bầu Sơn)	khoảng 0,4km	Thôn Bầu Sơn, Xã Sơn Nham	2022-2023	575	500	75	575	500	50	25
4	Đường BTXM ĐH 76 - nhà ông Quỳnh (thôn Xà Riêng)	khoảng 0,3km	Thôn Xà Riêng, Xã Sơn Nham	2022	460	400	60	460	400	40	20
5	Đường BTXM xóm Xà Riêng - nhà ông Đinh Văn Hoàng	khoảng 0,15km	Thôn Xà Riêng, Xã Sơn Nham	2022	288	250	38	288	250	25	13
6	Nâng cấp đường điện 04kv xóm Núi KDC Gò Bao, thôn Xà Nay	khoảng 0,4km	Thôn Xà Nay, Xã Sơn Nham	2023	575	500	75	575	500	50	25
7	Đường BTXM đường ĐH 72 - nhà ông Đinh Văn Ót, thôn Bầu Sơn	khoảng 0,15km	Thôn Bầu Sơn, Xã Sơn Nham	2023	288	250	38	288	250	25	13
8	Nâng cấp và mở rộng đường BTXM từ xóm Mới - bến đò thôn Chàm Rao	khoảng 0,6km	Thôn Chàm Rao, Xã Sơn Nham	2023	920	800	120	920	800	80	40
9	Đường BTXM ĐH 72 - điểm trường Mầm non (Bầu Mì)	khoảng 0,15km	Thôn Cận Sơn, Xã Sơn Nham	2023	288	250	38	288	250	25	13

TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
10	Đường BTXM ĐH 72 - nhà ông Đinh Văn Rô, thôn Chàm Rao	khoảng 0,3km	thôn Chàm Rao, xã Sơn Nham	2024	460	400	60	460	400	40	20
11	Xây mới điểm trường Mầm non thôn Chàm Rao	02 phòng học	Thôn Chàm Rao, Xã Sơn Nham	2024	920	800	120	920	800	80	40
12	Xây mới điểm trường Mầm non thôn Xà Nay	02 phòng học	Thôn Xà Nay, Xã Sơn Nham	2024	920	800	120	920	800	80	40
13	Xây mới 02 phòng học Trường TH & THCS Sơn Nham	02 phòng học	Thôn Xà Nay, Xã Sơn Nham	2025	1.265	1.100	165	1.265	1.100	110	55
14	Nâng cấp đường điện 04kv KDC xóm Đầu mối thôn Canh Mo	khoảng 300m	Thôn Canh Mo, Xã Sơn Nham	2025	575	500	75	575	500	50	25
15	Đường BTXM ĐH 72 - nhà ông Đinh Văn Hìn thôn xóm Bầu Mi thôn Cận Sơn	khoảng 0,2km	Thôn Cận Sơn, Xã Sơn Nham	2025	345	300	45	345	300	30	15
16	Đập + Kiên cố kênh mương ruộng Hìn thôn Bầu Sơn	khoảng 04 ha	Thôn Bầu Sơn, Xã Sơn Nham	2025	920	800	120	920	800	80	40
17	Xây mới đập và kênh mương Hóc số thôn Cận Sơn	khoảng 04 ha	Thôn Cận Sơn, Xã Sơn Nham	2025	920	800	120	920	800	80	40
18	Nâng cấp kênh đập Xà Năng	khoảng 8ha	Thôn Gò Rộc, Xã Sơn Trung	2023	920	800	120	920	800	80	40
19	Đường BTXM ông Vía - Hà Vía	khoảng 0,6km	Thôn Làng Đèo, Xã Sơn Trung	2023	920	800	120	920	800	80	40
20	Đường BTXM ông Giới - Gò Gu, Thôn Gia Ry	khoảng 0,6 km	Thôn Gia Ry, Xã Sơn Trung	2022	920	800	120	920	800	80	40
21	Đường BTXM từ Nhà văn hóa đi Cha Rân, thôn Làng Nà	khoảng 0,6 km	Thôn Làng Nà, Xã Sơn Trung	2022	920	800	120	920	800	80	40
22	Đường BTXM Làng Đèo - Pa Lát	khoảng 0,6 km	Thôn Làng Đèo, Xã Sơn Trung	2023	920	800	120	920	800	80	40
23	BTXM Ông Cảnh - Ông Đê, thôn Làng Rìn	khoảng 0,6 km	Thôn Làng Rìn, Xã Sơn Trung	2024	920	800	120	920	800	80	40
24	Đường BTXM bà Xí - ông Đăm thôn Làng Đèo	khoảng 0,4km	Thôn Làng Đèo, Xã Sơn Trung	2024	575	500	75	575	500	50	25
25	Đường BTXM ông Việt - ông Đường thôn Tà Màu	khoảng 0,4km	Thôn Tà Màu, Xã Sơn Trung	2024	575	500	75	575	500	50	25
26	Đường BTXM Bà Nê - ông Ghiêng thôn Tà Màu	khoảng 0,6km	Thôn Tà Màu, Xã Sơn Trung	2025	920	800	120	920	800	80	40



TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
27	Đường BTXM ông Bách - xóm ông Phò (cũ)	khoảng 0,6km	Thôn Gia Ry, Xã Sơn Trung	2025	920	800	120	920	800	80	40
28	Nâng cấp hệ thống kênh Xà Năng	khoảng 6ha	Thôn Gò Rộc, Xã Sơn Trung	2025	805	700	105	805	700	70	35
29	Đường BTXM từ nhà ông Lã đến nhà ông Đức	khoảng 0,7km	Thôn Làng Già, Xã Sơn Ba	2022-2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
30	Đường BTXM từ nhà ông Thim đến nhà ông Lá	khoảng 0,2km	Thôn Làng Già, Xã Sơn Ba	2022	345	300	45	345	300	30	15
31	Xây mới nhà Văn hóa thôn Di Hoảng	khoảng 100m2	Thôn Di Hoảng, Xã Sơn Ba	2022	805	700	105	805	700	70	35
32	Đường BTXM Làng Bung - Xóm Doi - Kà Khu (nối tiếp)	khoảng 0,7km	Thôn Làng Bung, Xã Sơn Ba	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
33	Đường BTXM từ xóm Doi đến nhà ông Hóm	khoảng 0,7km	Thôn Làng Bung, Xã Sơn Ba	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
34	Đường BTXM từ QL24B đến nhà ông Hành	khoảng 0,4km	Thôn Làng Ranh, Xã Sơn Ba	2024	575	500	75	575	500	50	25
35	Đường BTXM từ QL24B đến nhà ông Bình	khoảng 0,7km	Thôn Làng Ranh, Xã Sơn Ba	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
36	Đường BTXM từ nhà ông Nhanh đến đập nước Lem	khoảng 0,4km	Thôn Làng Ranh, Xã Sơn Ba	2023	575	500	75	575	500	50	25
37	Đường BTXM từ nhà ông Nễ đến giáp đường nông thôn	khoảng 0,2km	Thôn Làng Già, Xã Sơn Ba	2024	345	300	45	345	300	30	15
38	Xây mới nhà Văn hóa thôn Gò Da	khoảng 100m2	Thôn Gò Da, Xã Sơn Ba	2024	805	700	105	805	700	70	35
39	Đường BTXM từ nhà ông Phêu đến nhà văn hóa thôn Kà Khu	khoảng 0,7km	Thôn Kà Khu, Xã Sơn Ba	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
40	Đường BTXM từ nhà ông Phương Tâm đến nhà ông Ủi	khoảng 0,7km	Thôn Làng Ranh, Xã Sơn Ba	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
41	Đường BTXM từ nhà ông Đồi đến nhà ông Trang	khoảng 0,7km	Thôn Làng Ranh, Xã Sơn Ba	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
42	Đường BTXM nối tiếp đường ĐH 73 - cây Da (nhà ông Sinh), thôn Đồng Giang.	khoảng 0,6km	Thôn Đồng Giang, Xã Sơn Giang	2022	920	800	120	920	800	80	40


TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
43	Đường BTXM đường xóm Cà Rịa, thôn Làng Rí (đoạn ĐH 73 tới nhà ông Chỏi).	khoảng 0,65km	Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	2022	1.035	900	135	1.035	900	90	45
44	BTXM nối tiếp đường nhà ông Chỏi tới nhà ông Cà Rịa, xóm Cà Rịa, thôn Làng Rí	khoảng 0,65km	Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	2023	1.035	900	135	1.035	900	90	45
45	BTXM nối tiếp đường Gò Xếp, thôn Làng Rê	khoảng 0,6km	Thôn Làng Rê, Xã Sơn Giang	2025	920	800	120	920	800	80	40
46	BTXM nối tiếp từ nhà ông Khéo - nhà ông Nhỏ, thôn Làng Rí	khoảng 0,2km	Thôn Làng Rí, xã Sơn Giang	2023	345	300	45	345	300	30	15
47	BTXM nối tiếp đoạn đường từ nhà ông Rô - Nhà ông Ối, xóm Tà Côm, thôn Tà Đĩnh	khoảng 0,3km	Thôn Tà Đĩnh, Xã Sơn Giang	2024	460	400	60	460	400	40	20
48	BTXM nối tiếp đoạn đường từ nhà ông Lã - Nhà ông Đại, thôn Tà Đĩnh	khoảng 0,2km	Thôn Tà Đĩnh, Xã Sơn Giang	2025	345	300	45	345	300	30	15
49	Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng tường rào, cổng ngõ nhà Văn hóa thôn Làng Rí		Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	2024	575	500	75	575	500	50	25
50	Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Đồng Giang		Thôn Đồng Giang, Xã Sơn Giang	2024	575	500	75	575	500	50	25
51	Mở rộng, BTXM đường sân bóng Gò Đồn - cây xăng Thanh Tuấn	khoảng 0,65km	Thôn Đồng Giang, Xã Sơn Giang	2025	1.035	900	135	1.035	900	90	45
52	BTXM đường sân bóng thôn Làng Lùng (đoạn từ ông Tân - Sân bóng)	khoảng 0,2km	Thôn Làng Lùng, Xã Sơn Giang	2024	345	300	45	345	300	30	15
53	Xây dựng tường rào, sân nền, công trình vệ sinh điểm trường Mầm non Làng Rí		Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	2023	575	500	75	575	500	50	25
54	Sửa chữa, xây dựng tường rào, cổng ngõ, sân nền, giếng nước điểm trường Mầm non Tà Đĩnh		Thôn Tà Đĩnh, Xã Sơn Giang	2023	575	500	75	575	500	50	25
55	Mở rộng, xây dựng đường BTXM: Đoạn ĐH 73 đến nhà bà Tố, thôn Làng Rí	khoảng 0,65km	Thôn Làng Rí, Xã Sơn Giang	2024	1.035	900	135	1.035	900	90	45
56	Xây dựng tường rào, sân nền, công trình vệ sinh điểm trường Mầm non Làng Lùng		Thôn Làng Lùng, Xã Sơn Giang	2024	575	500	75	575	500	50	25
57	Nâng cấp Đập Pa Ra	khoảng 35ha	Thôn Ka La, Xã Sơn Linh	2024	805	700	105	805	700	70	35
58	Đường BTXM nhà văn hóa- Krân Pa Tu	khoảng 0,4km	Thôn Làng Ghè, Xã Sơn Linh	2023	690	600	90	690	600	60	30
59	Xây dựng 1 phòng điểm trường mầm non Sơn Ca thôn Đồng A	01 phòng học	Thôn Đồng A, Xã Sơn Linh	2023	920	800	120	920	800	80	40



TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
60	Đường nhà ông Nguyễn Thành Thu- Suối Tầm Linh	khoảng 0,3km	thôn Gò Da, xã Sơn Linh	2023	460	400	60	460	400	40	20
61	Đường ĐH 72- Gò Đùng	khoảng 0,65km	Thôn Đồng A, xã Sơn Linh	2022	1.035	900	135	1.035	900	90	45
62	Nâng cấp Đập Suối Tiên Ka La	khoảng 15ha	Xóm Thác, thôn Ka La, Xã Sơn Linh	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
63	Đường BTXM Làng Ghè - Đập Bờ Rin	khoảng 0,7km	Thôn Làng Ghè, Xã Sơn Linh	2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
64	Đường BTXM Đồng A - Gò Nanh	khoảng 0,7km	Thôn Đồng A, Xã Sơn Linh	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
65	Đường BTXM Cà Nhót- Hóc rã	khoảng 0,7km	Thôn Làng Xinh, Xã Sơn Linh	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
66	Nâng cấp sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Làng Ghè		Thôn Làng Ghè, Xã Sơn Linh	2024	690	600	90	690	600	60	30
67	Đường BTXM nhà ông Vinh - nhà Ông Chuẩn	khoảng 0,7km	Thôn Gò Da, Xã Sơn Linh	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
68	Xây mới đường dây điện 22kv-0,4A từ nhà Đình Hiệp đến Đình Thị Vetch	khoảng 0,5km	Thôn Gò Da, Xã Sơn Linh	2025	805	700	105	805	700	70	35
69	Nâng cấp kênh thủy lợi đập Pa Rang	khoảng 1000m	Thôn Làng Mùng, Xã Sơn Bao	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
70	Nâng cấp đường giao thông thôn Mang Nà	khoảng 0,7km	Thôn Mang Nà, Xã Sơn Bao	2022-2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
71	Nâng cấp đường giao thông thôn Nước Bao	khoảng 0,7km	Thôn Nước Bao, Xã Sơn Bao	2022-2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
72	Nâng cấp đường giao thông thôn Mang Nà (nối tiếp)	khoảng 0,7km	Thôn Mang Nà, Xã Sơn Bao	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
73	Nâng cấp đường giao thông thôn Nước Bao (Nối tiếp)	khoảng 0,7km	Thôn Nước Bao, Xã Sơn Bao	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
74	Sửa chữa, nâng cấp đường từ ngã ba Sông tang đến xóm Ông Thọ	khoảng 0,7km	Thôn Nước Tang, Xã Sơn Bao	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50



TT	Dự án/ danh mục dự án	Nâng cấp thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
75	Nâng cấp đường từ ngã ba Sơn Bao đến nhà Bà Thanh	khoảng 0,7km	Thôn Tà Lương, Xã Sơn Bao	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
76	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thôn Tà Lương		Thôn Tà Lương, Xã Sơn Bao	2025	920	800	120	920	800	80	40
77	Nâng cấp kênh thủy lợi Nước Non (thôn Nước Bao)	khoảng 1000m	Thôn Nước Bao, Xã Sơn Bao	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
78	Đường BTXM tuyến UBND xã - Làng Trắng (nối tiếp đến sông Xà Lò)	khoảng 0,7km	Thôn Làng Trắng, Xã Sơn Hải	2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
79	Đường BTXM Làng Lành - Làng Rá (nối tiếp)	khoảng 0,7km	Thôn Làng Lành, Xã Sơn Hải	2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
80	Nâng cấp sửa chữa Nhà sinh hoạt thôn Gò Sim		Thôn Gò Sim, Xã Sơn Hải	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
81	Nâng cấp sửa chữa Nhà sinh hoạt thôn Làng Lành		Thôn Làng Lành, Xã Sơn Hải	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
82	Xây mới kênh xóm Bà Rà, thôn Làng Trắng	khoảng 800m	Thôn Làng Trắng, Xã Sơn Hải	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
83	Đường BTXM từ nhà ông Trần Văn Thường - Nhà ông Đình Văn Lệnh, thôn Gò Sim	khoảng 0,7km	Thôn Gò Sim, Xã Sơn Hải	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
84	Đường BTXM từ nhà ông Trần Văn Thường - Nhà ông Đình Văn Lệnh, thôn Gò Sim (nối tiếp)	khoảng 0,7km	Thôn Gò Sim, Xã Sơn Hải	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
85	Đường BTXM từ nhà ông Đình Văn Lệnh (Gò Sim) - giáp ngã 3 đường Tà Pía - Làng Trắng	khoảng 0,7km	Thôn Gò Sim, Thôn Làng Trắng, Xã Sơn Hải	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
86	Đường BTXM Tà Pía - Khu tái định cư	khoảng 0,7km	Thôn Tà Pía, Xã Sơn Hải	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
87	Đường BTXM Tà Pía - Khu tái định cư (nối tiếp)	khoảng 0,7km	thôn Tà Pía, Xã Sơn Hải	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
88	Nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Hằng đến nhà ông Rơ Xà Ấy	khoảng 0,7km	Thôn Làng Trắng, Xã Sơn Cao	2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
89	Nối tiếp Đường BTXM nhà ông Thơm - xóm Hà Rùm, thôn Xà Ấy	khoảng 0,7km	Thôn Đồng Sạ, Xã Sơn Cao	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
90	Đường BTXM từ nhà ông Lốt - Sân bóng cũ tại thôn Làng Trá, xã Sơn Cao	khoảng 0,7km	Thôn làng Trá, Xã Sơn Cao	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50



TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
91	Đường BTXM từ Trường Mầm Non - Nhà ông Hoạch , thôn Làng Trá	khoảng 0,7km	Thôn Đồng Sạ, Xã Sơn Cao	2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
92	Đường BTXM từ nhà bà Đình Thị A - xóm Đồng Sạ, xã Sơn Cao	khoảng 0,7km	Thôn Làng Tráng, Xã Sơn Cao	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
93	Nối tiếp đường BTXM từ Ngã ba Làng Mon- Xà Ấy (đoạn đường từ nhà ông Lê Đức Tinh đến nhà ông Hà Chết)	khoảng 0,7km	Thôn Làng Tráng, Thôn Đồng Sạ, Xã Sơn Cao	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
94	Nối tiếp đường BTXM từ ngã ba Bồ Gục - ông Ấp, Làng Tráng	khoảng 0,7km	Thôn Xà Ấy, Xã Sơn Cao	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
95	Nối tiếp Đường BTXM từ nhà ông Ấp - Ngã ba Đồng Sạ	khoảng 0,7km	Thôn Xà Ấy, Xã Sơn Cao	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
96	Nối tiếp đường BTXM từ nhà chị Su đến nhà bà Rịa, Xà Ấy	khoảng 0,7km	Thôn Xà Ấy, Xã Sơn Cao	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
97	Nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Trị - nhà ông Hà Chết	khoảng 0,7km	Thôn Xà Ấy, Xã Sơn Cao	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
98	Đường BTXM đường Làng Vách - Làng Nưa	khoảng 0,7km	Thôn Bờ Reo, Xã Sơn Thượng	2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
99	Đường BTXM xóm Gò Ri-Gò Hoạch	khoảng 0,65km	Thôn Nước Tăm, Xã Sơn Thượng	2023	1.035	900	135	1.035	900	90	45
100	Đường BTXM ngã ba đường tỉnh lộ 623 - Nhà ông Đình Thành Bích	khoảng 0,2km	Thôn Làng Vố, Xã Sơn Thượng	2022	345	300	45	345	300	30	15
101	Đường từ nhà ông Bít đi đến nhà ông Và Rin	khoảng 0,4km	Thôn Bờ Reo, Xã Sơn Thượng	2022	575	500	75	575	500	50	25
102	Nâng cấp đập Suối Dầu	Đập bê tông + kênh bê tông cốt thép	Thôn Tà Pa, Xã Sơn Thượng	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
103	Đường BTXM từ ngã ba Bờ Reo đi ngã ba xóm ông Méo	khoảng 0,5km	Thôn Bờ Reo, Xã Sơn Thượng	2023	690	600	90	690	600	60	30
104	Đường BTXM từ tỉnh lộ 623 đi Tà Pa trên (nối tiếp)	khoảng 0,6km	Thôn Làng Vố, Xã Sơn Thượng	2023	920	800	120	920	800	80	40
105	Đường BTXM đường Làng Vách - Làng Nưa (nối tiếp )	khoảng 0,6km	Thôn Bờ Reo, Xã Sơn Thượng	2024	920	800	120	920	800	80	40



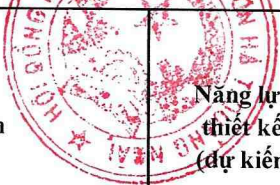
TT	Dự án/ danh mục dự án	Nâng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
106	Đường BTXM từ tỉnh lộ 623 đi đến nhà ông Chiến	khoảng 0,65km	Thôn Làng Vố, Xã Sơn Thượng	2024	1.035	900	135	1.035	900	90	45
107	Đường BTXM từ Tà Hoảng đi Làng Trùm	khoảng 0,4km	Thôn Nước Tăm, Xã Sơn Thượng	2024	575	500	75	575	500	50	25
108	Đường BTXM ngã ba đường tỉnh lộ 623 - Nhà ông Đinh Thành Bích (nối tiếp)	khoảng 0,4km	Thôn Làng Vố, Xã Sơn Thượng	2024	575	500	75	575	500	50	25
109	Đường BTXM từ ngã ba ông Méo đi Cà Rằn	khoảng 1,4km	Thôn Bờ Reo, Xã Sơn Thượng	2025	2.300	2.000	300	2.300	2.000	200	100
110	Xây dựng Đường BTXM Làng Bâm-Nước Lác	khoảng 0,7km	Thôn Nước Lác, Xã Sơn Kỳ	2022-2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
111	BTXM đường nội vùng thôn Tà Bắc	khoảng 0,7km	Thôn Tà Bắc, Xã Sơn Kỳ	2022	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
112	Đường Làng Rê ra khu sản xuất Đồng Dâu	khoảng 0,7km	Thôn Làng Rê, Xã Sơn Kỳ	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
113	Mở mới đường ra khu sản xuất Tà Măng ra Núi Rin, thôn Tà gằm	khoảng 0,7km	Thôn Tà Gằm, Xã Sơn Kỳ	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
114	Xây dựng tường rào cổng ngõ, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Tà Bắc		Thôn Tà Bắc, Xã Sơn Kỳ	2023	460	400	60	460	400	40	20
115	Đường BTXM nội đồng từ QL24 đến bãi suối Bờ Liên, thôn Làng Riêng	khoảng 0,3km	Thôn Làng Riêng, Xã Sơn Kỳ	2024	460	400	60	460	400	40	20
116	Nâng cấp đập dâng kênh Bò Nung	Đập bê tông + kênh bê tông cốt thép	Thôn Bò Nung, Xã Sơn Kỳ	2024	690	600	90	690	600	60	30
117	Đường BTXM vào xóm ông A Rói thôn Bò Nung	khoảng 0,2km	Thôn Bò Nung, Xã Sơn Kỳ	2025	345	300	45	345	300	30	15
118	Đường BTXM Làng Bâm-Nước Lác (nối tiếp)	khoảng 0,75km	Thôn Nước Lác, Xã Sơn Kỳ	2023	1.265	1.100	165	1.265	1.100	110	55
119	Xây mới hệ thống đường ống dẫn nước thủy lợi cho cánh đồng Bờ La		Thôn Làng Trắng, Xã Sơn Kỳ	2025	1.035	900	135	1.035	900	90	45
120	Đường BTXM khu sản xuất Tà Măng - Núi Rin, thôn Tà gằm (nối tiếp)	khoảng 0,75km	Thôn Tà Gằm, Xã Sơn Kỳ	2024	1.277	1.110	167	1.277	1.110	111	56
121	Đường BTXM Làng Bâm-Nước Lác (nối tiếp 2)	khoảng 0,7km	Thôn Nước Lác, Xã Sơn Kỳ	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50

TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
122	Đường BTXM từ QL24B đi xóm Ông Mác	khoảng 0,2km	Thôn Làng Rào, Xã Sơn Thủy	2022	345	300	45	345	300	30	15
123	Đường BTXM từ QL 24b - xóm ông Phê	khoảng 0,7km	Thôn Làng Rào, Xã Sơn Thủy	2022-2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
124	Nối tiếp đường BTXM từ Nhà ông Hà Kim- xóm ông Cà Xoa	khoảng 0,6km	Thôn Tà Com, Xã Sơn Thủy	2022-2023	805	700	105	805	700	70	35
125	Đường BTXM trường tiểu học Giá Gối - bến đò	khoảng 0,7km	Thôn Giá Gối, Xã Sơn Thủy	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
126	Đường BTXM từ nhà ông Lý - nhà ông Tâm	khoảng 0,7km	Thôn Tà Bi, Xã Sơn Thủy	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
127	Đường BTXM Tà Bần đi xóm Rà Điều	khoảng 0,7km	Thôn Tà Bần, Xã Sơn Thủy	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
128	Nâng cấp đập suối Tà Gầm	khoảng 10ha	Thôn Tà Com, Xã Sơn Thủy	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
129	Đường BTXM Suối Vua - xóm ông Mía	khoảng 0,7km	Thôn Làng Rào, Xã Sơn Thủy	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
130	Kiên cố hóa kênh mương đập suối Tà Gầm	L=800m	Thôn Tà Com, Xã Sơn Thủy	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
131	Đường BTXM từ nhà ông Cẩm - xóm ông Mai	khoảng 0,7km	Thôn Giá Gối, Xã Sơn Thủy	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
132	Đường BTXM NHV Tà Bi đi xóm ông Cà Rốp	khoảng 0,7km	Thôn Tà Bi, Xã Sơn Thủy	2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
133	Nâng cấp đường dây trạm biến áp Nước Nía		TDP Nước Nía, Thị trấn Di Lăng	2022-2023	1.035	900	135	1.035	900	90	45
134	Nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng TDP Nước Nía		TDP Nước Nía, Thị trấn Di Lăng	2024-2025	345	300	45	345	300	30	15
135	Nâng cấp Đường BTXM vào KDC mới Nước Nía	khoảng 0,25km	TDP Nước Nía, Thị trấn Di Lăng	2025	345	300	45	345	300	30	15



TT	Dự án/ danh mục dự án	Nâng lực thi công (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
136	Xây dựng mới Chợ xã Sơn Thành	khoảng 3000m2	Xã Sơn Thành	2025	5.750	5.000	750	5.750	5.000	500	250
137	Nâng cấp, sửa chữa Chợ Sơn Giang	khoảng 2000 m2	Xã Sơn Giang	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
138	Nâng cấp, sửa chữa Chợ Sơn Hạ	khoảng 2591m2	Xã Sơn Hạ	2024	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
139	Nâng cấp, sửa chữa Chợ Di Lăng	khoảng 5670 m2	Thị trấn Di Lăng	2023	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
V	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>				<b>13.198</b>	<b>11.476</b>	<b>1.722</b>	<b>13.198</b>	<b>11.476</b>	<b>1.148</b>	<b>574</b>
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Sơn Hà	Xây mới 10 phòng ở nội trú; sửa chữa, nâng cấp, mở rộng bếp ăn	Thị trấn Di Lăng	2022-2024	7.000	6.087	913	7.000	6.087	609	304
2	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Sơn Ba	Xây mới 06 phòng (04 phòng học, 02 phòng bộ môn), nhà vệ sinh; sửa chữa nhà công vụ và dãy nhà lớp học	Xã Sơn Ba	2022-2024	6.198	5.389	809	6.198	5.389	539	270
VI	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>				<b>3.083</b>	<b>2.681</b>	<b>402</b>	<b>3.083</b>	<b>2.681</b>	<b>268</b>	<b>134</b>
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch Hồ chứa nước Nước Trong, tại thôn Nước Tang, xã Sơn Bao gắn với phát triển nghề truyền thống dân tộc Hrê.	khoảng 5,3ha	Xã Sơn Bao	2023-2025	1.150	1.000	150	1.150	1.000	100	50
2	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Làng Xinh, xã Sơn Linh		Xã Sơn Linh	2022	230	200	30	230	200	20	10
3	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Bồ Nung, xã Sơn Linh		Xã Sơn Linh	2022	230	200	30	230	200	20	10
4	Sửa chữa nhà Văn hóa Gò Ngoài, thôn Làng Rê, xã Sơn Giang		Xã Sơn Giang	2022-2023	185	161	24	185	161	16	8





TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Đề xuất nhu cầu vốn trong giai đoạn 2021-2025			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NSDP		Ngân sách trung ương	NS tỉnh đối ứng	NS huyện
5	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Làng Mon, xã Sơn Cao		Xã Sơn Cao	2023-2025	184	160	24	184	160	16	8
6	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Gia Ry, xã Sơn Trung		Xã Sơn Trung	2023-2025	184	160	24	184	160	16	8
7	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Tà Pa , xã Sơn Thượng		Xã Sơn Thượng	2023-2025	184	160	24	184	160	16	8
8	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Tà Mác, xã Sơn Hải		Xã Sơn Hải	2023-2025	184	160	24	184	160	16	8
9	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Tà Com, xã Sơn Thủy		Xã Sơn Thủy	2023-2025	184	160	24	184	160	16	8
10	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Bò Nung, xã Sơn Kỳ		Xã Sơn Kỳ	2023-2025	184	160	24	184	160	16	8
11	Sửa chữa nhà Văn hóa thôn Làng Ranh, xã Sơn Ba		Xã Sơn Bao	2023-2025	184	160	24	184	160	16	8
X	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>				<b>4.210</b>	<b>3.661</b>	<b>549</b>	<b>4.210</b>	<b>3.661</b>	<b>366</b>	<b>183</b>
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi										
1	Huyện Sơn Hà				4.210	3.661	549	4.210	3.661	366	183

*\*Ghi chú: Đối với Tiểu dự án 2 của Dự án 10, sau khi có hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh và các Sở ngành, UBND huyện trình HĐND huyện cho ý kiến trước khi thực hiện. Đối với năm 2022, đề nghị HĐND huyện giao Thường trực HĐND huyện cho ý kiến trước khi UBND huyện thực hiện.*